

Phụ lục 01.
HƯỚNG DẪN BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG MỘT SỐ BỆNH NGUY
HIỂM TRÊN CÁ DA TRƠN

(Kèm theo Công văn số /UBND-KT ngày tháng 4 năm 2026
của UBND xã Vị Xuyên)

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Tài liệu này hướng dẫn biện pháp phòng, chống một số bệnh nguy hiểm thường gặp trên cá da trơn nuôi tại Việt Nam. Các hướng dẫn trong tài liệu nhằm hỗ trợ phát hiện sớm, xử lý kịp thời các bệnh nguy hiểm trên cá da trơn, giảm thiểu thiệt hại trong nuôi trồng thủy sản, góp phần bảo đảm an toàn dịch bệnh, nâng cao hiệu quả sản xuất và đáp ứng yêu cầu về an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc trong chuỗi sản xuất thủy sản.

2. Đối tượng áp dụng

Tài liệu này áp dụng đối với: (1) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản, thú y thủy sản ở trung ương và địa phương trong việc hướng dẫn, tổ chức triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên cá da trơn; (2) Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động sản xuất giống và nuôi cá da trơn, đặc biệt là đối tượng nuôi chủ lực như cá tra; (3) các đơn vị nghiên cứu; tổ chức, cá nhân làm công tác xét nghiệm, chẩn đoán bệnh thủy sản, dịch vụ thú y thủy sản tham gia công tác giám sát, chẩn đoán và hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh.

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ BỆNH

1. Bệnh gan thận mũ trên cá da trơn

a) Tên bệnh: Bệnh gan thận mũ trên cá da trơn.

b) Tác nhân gây bệnh: Do vi khuẩn *Edwardsiella ictaluri* thuộc họ *Enterobacteriaceae*.

c) Một số đặc điểm dịch tễ:

- Loài cảm nhiễm: Các loài cá da trơn, trong đó chủ yếu là cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*).

- Giai đoạn nhiễm bệnh: Cá nhiễm bệnh ở tất cả các giai đoạn nuôi nhưng mắc cảm nhất là giai đoạn cá giống.

- Mùa vụ xuất hiện bệnh: Bệnh gan thận mũ xuất hiện quanh năm trên cá da trơn và tập trung vào 03 tháng đầu mới thả nuôi; bệnh xuất hiện cao điểm là vào mùa mưa lũ nhất là tháng 7, tháng 8 hằng năm. Bệnh có thể xuất hiện nhiều

lần trong một vụ nuôi và gây thiệt hại từ 10 - 50% tùy thuộc vào chế độ chăm sóc và quản lý.

- Vùng xuất hiện bệnh: Bệnh xảy ra ở hầu hết các vùng ương giống và nuôi cá da trơn thâm canh.

- Phương thức truyền lây: Bệnh lây từ nguồn nước có nhiễm *E. ictaluri*, từ cá mắc bệnh hoặc cá nhiễm bệnh sang cá khỏe trong cùng một ao, di chuyển từ ao nuôi này sang ao nuôi khác hoặc từ vùng nuôi này sang vùng nuôi khác. Mầm bệnh tồn tại trong môi trường có thể gây nhiễm bệnh cho cá khỏe qua dụng cụ chăm sóc có mang mầm bệnh (như thau, vợt, lưới,...).

d) Dấu hiệu bệnh lý:

Thể cấp tính: Cá chết nhanh sau vài ngày.

Thể mãn tính: Cá chết rải rác trong vài tuần hoặc kéo dài hơn.

Triệu chứng: Ở giai đoạn đầu, triệu chứng của bệnh chưa rõ ràng. Cá bơi lơ đờ, giảm ăn hoặc bỏ ăn hoàn toàn, ít phản ứng với những tác động xung quanh.

- Giai đoạn tiếp theo:

+ Mức độ nhẹ: Bên ngoài thân cá hầu như không có biểu hiện xuất huyết, mắt hơi lồi. Khi giải phẫu, quan sát thấy các đốm trắng (như đốm mù) xuất hiện trên bề mặt các cơ quan nội tạng như gan, thận, lá lách (tỳ tạng). Đây là biểu hiện bệnh lý đặc trưng của bệnh gan thận mù.

+ Mức độ nặng: Cá bệnh bỏ ăn, bơi lơ đờ trên mặt nước, thường có hiện tượng nhào lộn, xoay tròn. Khi bệnh tiến triển nặng, cá giảm hoặc không phản xạ với tiếng động. Một số cá có hiện tượng xuất huyết tất cả các vây hoặc xuất huyết toàn thân. Trường hợp xuất huyết nặng, khi nhấc lên khỏi mặt nước máu sẽ chảy ra từ da và mang cá. Khi tiến hành giải phẫu, gan, thận cá bệnh sưng to rõ rệt, thận có hiện tượng nhũn, lá lách sưng nhưng mức độ nhẹ hơn. Trên bề mặt các cơ quan gan, thận, lá lách xuất hiện nhiều đốm trắng tròn, đường kính khoảng 1 - 3 mm khắp bề mặt và cả bên trong các cơ quan.

đ) Chân đoán xét nghiệm: Mẫu bệnh phẩm được xét nghiệm tại các Phòng thử nghiệm đủ năng lực quy định tại khoản 19, 20 và 21 Điều 1 Thông tư số 12/2024/TT-BNNPTNT.

Trong cùng một xã, phường, cùng một vùng nuôi có chung nguồn nước cấp và trong cùng giai đoạn có dịch bệnh, khi đã có kết quả xét nghiệm cho những ổ dịch đầu tiên, không nhất thiết phải lấy mẫu xét nghiệm ở những ổ dịch tiếp theo. Kết luận về các ổ dịch tiếp theo được dựa vào dấu hiệu lâm sàng của động vật thủy sản mắc bệnh, môi trường nước nuôi.

2. Bệnh xuất huyết do vi khuẩn *Aeromonas hydrophila*

a) Tên bệnh: Bệnh xuất huyết hay còn gọi là bệnh xuất huyết phù đầu, bệnh đốm đỏ, bệnh nhiễm trùng máu do vi khuẩn *Aeromonas hydrophila* ở cá.

b) Tác nhân gây bệnh: Do vi khuẩn *Aeromonas hydrophila* thuộc họ *Aeromonadaceae*.

c) Một số đặc điểm dịch tễ:

- Loài cảm nhiễm: các loài cá nước ngọt, trong đó có cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*), cá basa (*Pangasianodon bocourti*)

- Giai đoạn nhiễm bệnh: Bệnh xảy ra trên cá ở tất cả các giai đoạn nuôi. Bệnh lây lan nhanh, tỷ lệ chết cao (có thể đến 90%) trong trường hợp bệnh nặng.

- Mùa vụ xuất hiện bệnh: Ở Việt Nam, bệnh xuất huyết do *A. hydrophila* xảy ra quanh năm, tập trung vào đầu mùa khô, đặc biệt là khi cá bị stress như sau khi trời mưa.

- Vùng xuất hiện bệnh: Ở nước ta bệnh xuất hiện ở hầu hết các loài cá nuôi lồng, bè và ao hồ nước ngọt.

- Phương thức truyền lây: Bệnh lây từ cá mắc bệnh hoặc cá nhiễm bệnh sang cá khỏe trong cùng một ao nuôi. Mầm bệnh tồn tại trong môi trường có thể gây bệnh trực tiếp cho cá khỏe qua dụng cụ chăm sóc nhiễm bệnh (như thau, vợt, lưới,...). Mầm bệnh có thể tồn tại và phát triển trong môi trường nước ao nuôi và di chuyển từ ao này sang ao khác, từ vùng nuôi này sang vùng nuôi khác. *Aeromonas hydrophila* là vi khuẩn cơ hội, thường gây bùng phát bệnh khi cá bị stress và điều kiện môi trường ao nuôi suy giảm như ô nhiễm hữu cơ, thiếu ôxy hòa tan, biến động nhiệt độ, pH hoặc sau các đợt mưa lớn.

d) Dấu hiệu bệnh lý:

- Triệu chứng:

+ Giai đoạn đầu sau khi nhiễm bệnh cá kém ăn hoặc bỏ ăn, nổi lờ đờ trên tầng mặt. Da cá thường đổi màu tối không có ánh bạc, cá mất nhớt. Ở giai đoạn tiếp theo, xuất hiện hiện tượng lồi mắt, phù đầu, đốm đỏ trên thân, xuất huyết vây, quanh miệng, mắt và hậu môn.

+ Xuất hiện các vết loét ăn sâu vào cơ. Trên vết loét thường có nấm và ký sinh trùng ký sinh. Mắt lồi đục, quanh hốc mắt bị sưng tấy, mất nhớt; hậu môn viêm xuất huyết; bụng trương to, các vây xơ rách.

- Bệnh tích: Ruột có thể chứa đầy hơi, gan thận thường bị hoại tử. Xoang bụng xuất huyết, gan tái nhợt, mật sưng to, thận sưng, xuất huyết.

- Trường hợp cấp tính, khi mổ cá thấy nhiều dịch đỏ lẫn máu ở xoang bụng, xuất huyết nội tạng, cá chết nhiều trong thời gian ngắn.

đ) Chẩn đoán xét nghiệm:

Mẫu bệnh phẩm được xét nghiệm tại các Phòng thử nghiệm đủ năng lực quy định tại khoản 19, 20 và 21 Điều 1 Thông tư số 12/2024/TT-BNNPTNT.

Trong cùng một xã, phường, cùng một vùng nuôi có chung nguồn nước cấp và trong cùng giai đoạn có dịch bệnh, khi đã có kết quả xét nghiệm cho những ổ dịch đầu tiên, không nhất thiết phải lấy mẫu xét nghiệm ở những ổ dịch tiếp theo. Kết luận về các ổ dịch tiếp theo được dựa vào dấu hiệu lâm sàng của động vật thủy sản mắc bệnh, môi trường nước nuôi.

III. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG BỆNH

Đối với thủy sản nuôi, việc điều trị là vô cùng khó khăn và tốn kém, do vậy cần tập trung các biện pháp đảm bảo an toàn sinh học nâng cao hiệu quả công tác phòng bệnh cho thủy sản.

Ngoài áp dụng quy trình nuôi theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản, cần lưu ý thực hiện một số hướng dẫn trong phòng, chống bệnh, cụ thể như sau:

1. Phòng, chống dịch bệnh

a) Đối với cơ sở nuôi cá bố mẹ

- Nguồn nước cấp vào ao cho qua lưới lọc nhằm loại bỏ sinh vật trung gian và tạp chất, kết hợp các biện pháp xử lý nước phù hợp theo quy định để giảm mật độ mầm bệnh trước khi đưa vào hệ thống sản xuất. Nước được xử lý đảm bảo chất lượng theo quy định.

- Cá bố mẹ có nguồn gốc rõ ràng, đạt yêu cầu về chất lượng, khỏe mạnh, không có dấu hiệu mắc bệnh. Đáp ứng quy định tại Thông tư 16/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản và Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản và các quy định hiện hành.

- Thức ăn: Sử dụng thức ăn không mang mầm bệnh, đủ hàm lượng dinh dưỡng đáp ứng nhu cầu ở từng giai đoạn phát triển của cá. Các loại thức ăn tổng hợp và tự chế biến được bảo quản tốt, tránh để nhiễm nấm mốc và nhiễm khuẩn; thức ăn tươi sống được xử lý, đảm bảo không mang mầm bệnh khi cho cá ăn.

- Sử dụng thuốc, thức ăn, sản phẩm xử lý môi trường theo quy định hiện hành.

b) Đối với cơ sở sản xuất, ương dưỡng cá giống

- Nước cấp vào ao nuôi được xử lý đảm bảo chất lượng (như cho qua lưới lọc hai lớp, khử trùng bằng hóa chất, chế phẩm được phép sử dụng theo khuyến cáo của nhà sản xuất hoặc hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản), đảm bảo an toàn dịch bệnh.

- Các bể đẻ, bể vây được vệ sinh, khử trùng sạch sẽ trước và sau khi sử dụng.
- Sử dụng các dụng cụ riêng cho từng bể và thực hiện vệ sinh khử trùng sau mỗi lần sử dụng.
- Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn sinh học khác như quản lý người, động vật, phương tiện,.. ra vào khu vực sản xuất. Có biện pháp ngăn chặn các vật chủ trung gian (các loài chim ăn cá) có thể mang tác nhân gây bệnh vào khu vực nuôi.
- Thực hiện quản lý và kiểm soát lượng thức ăn cho cá một cách hợp lý nhằm hạn chế thất thoát và giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước ao nuôi; thường xuyên theo dõi, kiểm tra để kịp thời điều chỉnh khẩu phần ăn phù hợp với từng giai đoạn sinh trưởng.
- + Các loại thức ăn tổng hợp cần bảo quản tốt, tránh bị nhiễm nấm mốc và nhiễm khuẩn; thức ăn tươi sống, tự chế biến cần được xử lý đảm bảo không còn mầm bệnh trước khi cho ăn.
- Quản lý sức khỏe cá:
 - + Bổ sung các loại vitamin, khoáng,... để tăng sức đề kháng cho cá trước và trong thời kỳ bệnh thường xảy ra;
 - + Kiểm tra các yếu tố môi trường ao/bể ương: hàm lượng ôxy hòa tan (DO) (hàng ngày); pH, độ kiềm (02 ngày/lần); H₂S, NH₃/NH₄ (01 tuần/lần) để có biện pháp xử lý thích hợp khi có dấu hiệu bất thường; Đối với các thông số môi trường vượt ngưỡng cho phép, thực hiện xử lý theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản.
 - + Thực hiện chế độ thay nước phù hợp cho ao/bể ương hàng ngày nhằm cải thiện chất lượng nước, bảo đảm môi trường sống ổn định và thuận lợi cho cá sinh trưởng;
 - + Khi cá có dấu hiệu bất thường (như bỏ ăn tách đàn) phải thông báo ngay cho nhân viên thú y xã và UBND xã hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản hoặc thú y nơi gần nhất để kiểm tra kịp thời xác định tác nhân gây bệnh.
- Chỉ sử dụng thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học trong Danh mục thuốc thú y dùng trong thú y thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam và theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y hoặc thủy sản. Ngừng sử dụng trước khi thu hoạch theo hướng dẫn của nhà sản xuất. .
- Việc xử lý cá bệnh và cá chết phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản hoặc thú y.
- Con giống trước khi xuất bán phải thực hiện kiểm dịch theo quy định, đảm bảo không nhiễm mầm bệnh.

- Khuyến khích sử dụng vắc xin phòng bệnh theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản hoặc thú y.

c. Đối với cơ sở nuôi cá thương phẩm

Áp dụng các biện pháp tổng hợp phòng bệnh, quản lý ao nuôi theo quy định của pháp luật về thú y và khuyến cáo của các cơ quan chuyên ngành thú y, thủy sản, trong đó lưu ý một số nội dung sau:

- Sử dụng con giống khỏe mạnh, nguồn gốc rõ ràng và được kiểm dịch theo quy định.

- Mật độ thả nuôi theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản, đảm bảo mật độ thích hợp cho cá phát triển tốt.

- Sử dụng lượng thức ăn vừa đủ, tránh dư thừa giúp giảm lượng chất thải trong ao nuôi, góp phần giảm ô nhiễm môi trường nước, hạn chế sự phát triển và truyền lây của vi khuẩn gây bệnh.

- Theo dõi sức khỏe cá hằng ngày (màu sắc, khả năng hoạt động, lượng thức ăn tiêu thụ; kiểm tra màu nước, các chỉ tiêu môi trường, sự xuất hiện của các yếu tố dịch hại) để phát hiện sớm, điều chỉnh và xử lý kịp thời, đặc biệt cá ở giai đoạn dưới 5 tháng tuổi và giai đoạn chuyển mùa; có thể lấy mẫu định kỳ cá ở giai đoạn này để kiểm tra vi khuẩn trên gan, thận và lá lách.

- Tăng cường chăm sóc, sử dụng thức ăn bảo đảm dinh dưỡng, bổ sung vitamin, khoáng chất, men tiêu hóa, chế phẩm sinh học... giúp nâng cao sức đề kháng cho cá.

- Chủ cơ sở nuôi cần theo dõi nắm thông tin về tình hình dịch bệnh xảy ra trong khu vực/vùng, tình hình dự báo thời tiết và cảnh báo dịch bệnh của cơ quan chuyên môn để có biện pháp chủ động phòng tránh dịch bệnh.

- Chủ cơ sở nuôi cần chú trọng quản lý và hạn chế các yếu tố gây stress cho cá như thay nước đột ngột, biến động nhiệt độ, pH, ôxy hòa tan; điều chỉnh lượng thức ăn phù hợp trong điều kiện thời tiết bất lợi, nhằm giảm nguy cơ phát sinh và lây lan dịch bệnh.

- Quản lý tốt môi trường nước trong ao nuôi, thực hiện khử trùng định kỳ ao nuôi bằng các loại hóa chất dễ phân hủy, thời gian tồn lưu ngắn; có thể sử dụng các chế phẩm sinh học được phép lưu hành để cải tạo môi trường ao nuôi.

- Bố trí ao trữ nước và xử lý khử trùng nước trước khi cấp cho ao nuôi; khử trùng nguồn nước trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Sử dụng các dụng cụ riêng cho từng ao nuôi và thực hiện vệ sinh khử trùng sau mỗi lần sử dụng.

- Tăng cường các biện pháp an toàn sinh học khác trong quá trình nuôi như quản lý người, động vật, phương tiện,.. ra vào khu vực ao nuôi. Thực hiện vệ sinh, khử trùng khi ra, vào cơ sở. Có biện pháp ngăn chặn các vật chủ trung gian (các loài chim ăn cá) có thể mang tác nhân gây bệnh vào khu vực nuôi.

- Cá bệnh, cá chết và chất thải của ao bị bệnh phải được thu gom và xử lý kịp thời bằng vôi bột, hóa chất được phép sử dụng trong nuôi trồng thủy sản, theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản hoặc thú y và hướng dẫn thực hiện của UBND xã.

- Trường hợp ao xảy ra bệnh ở vụ trước, cơ sở nuôi phải xử lý nước đảm bảo không còn mầm bệnh trước khi xả thải.

Chỉ được sử dụng thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học trong Danh mục thuốc thú y dùng trong thú y thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam và theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản hoặc thú y; ngừng sử dụng trước khi thu hoạch theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

2. Xây dựng và triển khai kế hoạch giám sát dịch bệnh:

a) Giám sát chủ động:

- Chủ cơ sở nuôi chủ động lấy mẫu xét nghiệm theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản hoặc thú y. Việc chủ động giám sát sẽ giúp cho phát hiện sớm nguy cơ nhiễm tác nhân gây bệnh để có biện pháp phòng bệnh và xử lý kịp thời.

- Kiểm tra định kỳ: Khuyến khích lấy mẫu cá để xét nghiệm xác định mầm bệnh định kỳ ít nhất 01 lần/tháng/ao đối với cá nuôi thương phẩm; 02 lần/tháng/ao đối với cá ở giai đoạn ương giống và vùng nuôi trọng điểm.

b) Giám sát bị động:

- Khi phát hiện cá bị bệnh, chết bất thường chủ cơ sở phải khai báo cho cán bộ chuyên môn ở xã hoặc cơ quan thủy sản nơi gần nhất, đồng thời thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản hoặc thú y.

- Chủ cơ sở chủ động phối hợp với cán bộ chuyên môn xã kiểm tra, lấy mẫu gửi phòng thử nghiệm tại điểm đ khoản 1,2 mục II văn bản này để xét nghiệm xác định tác nhân gây bệnh. Căn cứ vào dấu hiệu bệnh lý, nguy cơ để chỉ định các bệnh cần xét nghiệm để xác định chính xác tác nhân gây bệnh.

c) Xử lý kết quả dương tính:

- Chủ cơ sở nuôi phải thông báo cho các cơ sở nuôi cá xung quanh để có các biện pháp phòng bệnh kịp thời tránh lây lan trên diện rộng.

- Cá chết, cá có biểu hiện sắp chết phải được vớt ra ngay khỏi ao nuôi và tiến hành xử lý hoặc tiêu hủy theo các quy định hiện hành. Không được vớt cá

mắc bệnh, cá chết ra khu vực xung quanh gây ô nhiễm môi trường và làm lây lan dịch bệnh.

- Nếu cá đạt kích cỡ thương phẩm, khuyến khích chủ cơ sở thu hoạch và chỉ được phép vận chuyển cá ra ngoài vùng có dịch sau khi đã xử lý theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản hoặc thú y và hướng dẫn thực hiện của UBND xã

- Trường hợp cá chưa đạt kích cỡ thương phẩm:

+ Nếu mẫu cá cho kết quả xét nghiệm dương tính với mầm bệnh nhưng cá không có biểu hiện bệnh lý và vẫn hoạt động bình thường thì tăng cường các biện pháp chăm sóc, bổ sung các loại vitamin, khoáng chất và quản lý tốt chất lượng nước;

+ Trường hợp mẫu cá có biểu hiện bệnh lý, cho kết quả xét nghiệm dương tính với mầm bệnh, chủ cơ sở cân nhắc điều trị hoặc thu hoạch hoặc tiêu hủy (tùy kích cỡ và giá trị sử dụng) theo quy định;

+ Trường hợp lựa chọn phương án điều trị phải căn cứ kết quả thử kháng sinh đồ (đề nghị phòng thử nghiệm thực hiện) để lựa chọn loại kháng sinh điều trị phù hợp. Chỉ sử dụng kháng sinh khi thật sự cần thiết và khi cá còn khả năng hồi phục, không điều trị kháng sinh đại trà trên diện rộng. Kháng sinh lựa chọn phải thuộc Danh mục thuốc thú y dùng trong thú y thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam. Cách sử dụng kháng sinh phải tuân theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành;

+ Trường hợp cá chết nhiều ở thể cấp tính với tỷ lệ chết trên 50% thì cơ sở cần báo ngay cho cơ quan quản lý để có hướng dẫn xử lý kịp thời; đồng thời dừng cho cá ăn, không sử dụng thuốc, hóa chất, không xả nước ao ra ngoài cho đến khi có hướng dẫn của cơ quan chức năng;

- Chỉ được phép vận chuyển cá ra khỏi ao bị bệnh khi đã xử lý theo hướng dẫn của cơ quan quản lý quản lý chuyên ngành thủy sản hoặc thú y. Cá được vận chuyển đến cơ sở chế biến trong các dụng cụ chuyên dụng, đảm bảo an toàn vệ sinh thú y. Dụng cụ sau khi vận chuyển cá phải được vệ sinh khử trùng theo quy định của pháp luật.

- Nước và bùn đáy ao được xử lý (khử trùng) đảm bảo không còn mầm bệnh.

- Bờ ao, công cụ, dụng cụ, phương tiện chứa đựng cá bệnh phải được vệ sinh, khử trùng, tiêu độc.

- Các ao không bị bệnh: Theo dõi chặt chẽ các chỉ tiêu môi trường, sức khỏe cá; tăng cường chế độ chăm sóc quản lý nâng cao sức đề kháng cho cá; thực hiện các biện pháp phòng bệnh, hạn chế người qua lại giữa các ao.

- Trong quá trình thực hiện kế hoạch giám sát sức khỏe cá nuôi, chủ cơ sở tự đánh giá và điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với yêu cầu thực tế và đáp ứng yêu cầu về giám sát dịch bệnh.

3. Hồ sơ lưu trữ:

Trong quá trình sản xuất, cơ sở phải thiết lập và duy trì hệ thống sổ theo dõi (bằng hình thức giấy/điện tử), các thông tin liên quan tới quản lý sức khỏe cá; hồ sơ gồm

- Hồ sơ mua bán giống, kiểm dịch giống.
- Hồ sơ theo dõi tình trạng sức khỏe cá và việc sử dụng thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học và sản phẩm xử lý cải tạo môi trường trong suốt quá trình sản xuất.
- Hồ sơ về các biện pháp kiểm soát bệnh và các dữ liệu, thông tin liên quan đến tình hình dịch bệnh phát sinh (nếu có).

Hồ sơ được lưu giữ đầy đủ, có hệ thống và xuất trình khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

4. Yêu cầu về thu hoạch sản phẩm

a) Cơ sở phải ngừng sử dụng thuốc kháng sinh, hóa chất trước thời điểm thu hoạch theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất; đảm bảo dư lượng thuốc, hóa chất trong sản phẩm thủy sản không vượt quá giới hạn cho phép, đáp ứng yêu cầu về an toàn thực phẩm và an toàn cho người tiêu dùng.

b) Trước khi thu hoạch, cơ sở chế biến phối hợp với cơ sở nuôi tổ chức lấy mẫu cá để phân tích các chỉ tiêu cần thiết (theo yêu cầu của khách hàng); bảo đảm sản phẩm không tồn dư kháng sinh, hóa chất cấm, chất độc hại và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm soát này.

c) Cá sau thu hoạch phải được vận chuyển đến cơ sở chế biến bằng các dụng cụ, phương tiện chuyên dụng, bảo đảm điều kiện an toàn vệ sinh thú y. Dụng cụ, phương tiện vận chuyển sau khi sử dụng phải được vệ sinh, làm sạch và khử trùng bằng các biện pháp cơ học và hóa học phù hợp./.

Thư